

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56 /2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 – 9 – 2017  
Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Lâm Cường Thịnh

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

***-Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 29/9/2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2017/TLST-HNGĐ về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/QĐXX-ST ngày 14/9/2017 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: tổ 8, ấp 2, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước (có mặt)

***2.Bị đơn:*** Ông Ngô Quang Th, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: tổ 8, ấp 2, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H trình bày:*

Bà H và ông Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, do thiếu hiểu biết nên vợ chồng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2013 đến nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, đánh đập. Do ông Th thường xuyên ăn nhậu, chơi bời tụ tập bạn bè không có trách nhiệm với vợ con. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể hòa giải được. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm với nhau nữa. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Ngô Quang M, sinh ngày 03/4/2009. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Nhưng hiện nay con chung đang ở chung với ông Th và vợ chồng đã tự thỏa Th với nhau nên bà H đồng ý giao con chung cho ông Th nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Quang Th trình bày:*

Ông Th thống nhất nội dung bà H trình bày về thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng. ông Th cho rằng vợ chồng chung sống năm 2007 và không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Việc chung sống giữa ông Th và bà H hoàn toàn tự nguyện, không tổ chức lễ cưới. Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không chia sẻ được công việc làm ăn và nuôi dạy con cái. Từ tháng 8/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn qua lại, quan tâm đến nhau nữa, công việc ai người đó làm. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông Th đồng ý ly hôn

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Th và bà H 01 người con chung tên Ngô Quang M, sinh ngày 13/4/2009. Khi ly hôn ông Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn: Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp chứng cứ tài liệu gì khác.

Bị đơn: Ông Th xin vắng mặt.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại các Điều 69, 70, và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 9, 14, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: bà H và ông Th không phải là vợ chồng; giao con chung Ngô Quang M, sinh ngày 13/4/2009 cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà H phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Do nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Ngô Quang Th; địa chỉ cư trú: tổ 8, ấp 2, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Bình Phước

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn bà H có mặt và bị đơn ông Th xin vắng mặt. Xét thấy, bị đơn ông Th vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3, điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà H và ông Th tự nguyện chung sống với nhau, được hai bên gia đình chấp Th nhưng từ khi chung sống đến nay bà H và ông Th không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật điều này phù hợp với nội dung xác nhận tại Ủy ban nhân dân xã M. Như vậy, việc bà H và ông Th chung sống từ năm 2007 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của bà H và ông Th là không hợp pháp.

Trong quá trình chung sống được thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H trình bày là ông Th thường xuyên ăn nhậu, chơi bời tụ tập bạn bè không có trách nhiệm với vợ con nên dẫn đến cãi vả nhau. Ông Th cũng thừa nhận vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân, không còn quan lại quan tâm đến nhau, vì vậy, nay bà H yêu cầu ly hôn, ông Th cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do bà H và ông Th chung sống với nhau không làm thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà H, ông Th là không hợp pháp. Do đó, việc Th tình ly hôn giữa bà H và ông Th không được ghi nhận mà cần căn cứ vào nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của quốc hội; thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp và Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì phải tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thanh H và ông Ngô Quang Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông Th có 01 người con chung tên Ngô Quang M, sinh ngày 13/4/2009. Hiện tại cháu đang chung sống với ông Th, khi ly hôn bà H thống nhất giao cháu M cho ông Th nuôi

duỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa Th nuôi con chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu M. Do đó, giao con chung tên Ngô Quang M, sinh ngày 13/4/2009 cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 9, 14, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Nguyễn Thanh H và ông Ngô Quang Th không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Ngô Quang M, sinh ngày 13/4/2009 cho ông Ngô Quang Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008851 ngày 02/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Ngô Quang Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh – VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Ch;
- Cơ quan THADS huyện Ch;
- UBND xã M;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hà**